

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 830/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Việt D, sinh năm 1962
2. Bà Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Việt D và bà Nguyễn Thị Thu P qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 116, Quyền số 01/2005 đăng ký ngày 24/6/2005 tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh).

Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 08 (Tám) năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm về mọi mặt dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau, mặc dù cũng đã ngồi lại nói chuyện và tìm cách khắc phục nhưng cả hai đều không thể hàn gắn được tình cảm. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Việt D và bà Nguyễn Thị Thu P xác định có 02 (Hai) người con chung họ tên là

- Nguyễn Việt Quốc A (Nam), sinh ngày 20/3/2006
- Nguyễn Việt Quốc H (Nam), sinh ngày 23/5/2007

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn ông Nguyễn Việt D là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Việt Quốc A và trẻ Nguyễn Việt Quốc H. Bà Nguyễn Thị Thu P cấp dưỡng nuôi 02 (Hai) con mỗi tháng với số tiền là 8.0000.000 (Tám triệu) đồng, (Một trẻ là 4.000.000 (Bốn triệu) đồng/tháng).

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Việt D và bà Nguyễn Thị Thu P xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Việt D và bà Nguyễn Thị Thu P xác nhận không có.

[5] Về lệ phí: Ông Nguyễn Việt D và bà Nguyễn Thị Thu P cùng chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Việt D và bà Nguyễn Thị Thu P thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 116, Quyền số 01/2005 đăng ký ngày 24/6/2005 tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: Các đương sự xác định có 02 (Hai) người con chung họ tên là Nguyễn Việt Quốc A (Nam), sinh ngày 20/3/2006 và Nguyễn Việt Quốc H (Nam), sinh ngày 23/5/2007.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Sau khi ly hôn, giao cho ông Nguyễn Việt D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Việt Quốc A và trẻ Nguyễn Việt Quốc H. Bà Nguyễn Thị Thu P cấp dưỡng nuôi 02 (Hai) con mỗi tháng với số tiền là 8.0000.000 (Tám triệu) đồng (Một trẻ là 4.000.000 (Bốn triệu) đồng/tháng).

Thi hành vào ngày 15 (Đương lịch) hàng tháng. Bắt đầu thi hành vào ngày 15/01/2019 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Thị Thu P được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Thu P chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì bà Nguyễn Thị Thu P còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Việt D và bà Nguyễn Thị Thu P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Việt D và bà Nguyễn Thị Thu P cùng chịu số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0026440 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Việt D và bà Nguyễn Thị Thu P đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ việc dân sự (Đức).

**THẨM PHÁN**

**Lê Phương Thảo**